TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2020**/HNGĐ-ST
Ngày **19/8/2020**
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

2. Ông **Ngô Rô Be**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị K** - sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Lập, xã Tân Hội, huyện T , tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Thanh N** - sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Phú, xã Tân Thành, huyện T , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị K trình bày:**

Chị Trương Thị K và anh Lê Thanh N tự tìm hiểu quen nhau khoảng 03 tháng tổ chức lễ cưới vào ngày 09/02/2017, không có đăng ký kết hôn.

Lý do xin ly hôn: Sau khi chung sống với nhau do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, khi sống với người vợ trước anh N thường đánh đập vợ con, đến bây giờ sống với chị K vẫn vậy, nhiều lần đánh đập chị K gây thương tích rồi bỏ nhà đi vài tháng, khi về thì năn nỉ hoặc hăm dọa sẽ giết nếu bỏ anh N , ngày 12/5/2020 anh N dùng cây leng đánh chị Kiều bị gãy xương

gò má bên phải, thấy chung sống với nhau không hạnh phúc nên chị K tự ly thân với nhau từ tháng 5/2020 cho đến nay.

- Về con chung: Chị K , anh N chung sống có 01 người con tên Trương Phú Q, sinh ngày 16/3/2018. Hiện đang sống với chị K .

Tại phiên tòa chị K yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị K yêu cầu được ly hôn với anh N .

- *Về con chung:* Chị K yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa anh Lê Thanh N trình bày:**

Anh N đồng ý với lời trình bày của chị Trương Thị K về ngày tháng năm anh và chị K chung sống, không có đăng ký kết hôn, có 01 người con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung như chị K trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do chị K có người đàn ông khác mà anh N đã bắt gặp được, chị K hay đi nhậu nhẹt với đàn ông, chị K nói anh N hay đánh đập là không đúng vì anh N chỉ tát chị K 1 lần vào vùng mặt do anh N thấy chị K đi ăn nhậu rồi đi hát karaoke ôm ấp người khác về nhà anh N có khuyên nhủ nhưng chị K cự cãi nên anh N mới đánh chị K .

Tại phiên tòa anh N yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh N không đồng ý ly hôn với chị K .

- *Về con chung:* Anh N đồng ý để chị K tiếp tục nuôi con, chị K không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Lê Thanh N có địa chỉ tại ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị K , anh N chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 09/02/2017, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ*

chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng….”.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.*

Do chị K , anh N có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng. Nay chị K có yêu cầu ly hôn với anh N , do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận mối quan hệ giữa chị K và anh N là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị K và anh N , anh N đồng ý giao cho chị K tiếp tục nuôi người con tên Trương Phú Q , sinh ngày 16/3/2018, chị K không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Chị K , anh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị K phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Trương Thị K và anh Lê Thanh N là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trương Thị K tiếp tục nuôi người con tên Trương Phú Q , sinh ngày 16/3/2018. Chị Trương Thị K không yêu cầu anh Lê Thanh N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị K cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lê Thanh N tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trương Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000653 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến